TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/KDTM-ST
Ngày 27/8/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thành Phương

Ông Mai Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Ánh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2019/TLST-KDTM ngày 14/01/2019 về việc tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản" Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 7A/2019/QĐXXST-KDTM ngày 15/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 3A/2019/QĐST-KDTM ngày 31/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn H - Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Ngân hàng N (Quyết định ủy quyền số: 510/2014/QĐ-TGĐ ngày 19/6/2014, Giấy ủy quyền số: 746/NHNoNT-TC ngày 01/10/2018).

Địa chỉ: Số 12 đường M, phường Đ, TP. P, tỉnh Ninh Thuân (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Bùi Như S, sinh năm: 1985 và bà Lâm Thị Hồng N, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, phường Đ, TP. P, tỉnh Ninh Thuận (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn H trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số 234-902-636/17/HĐTD ngày 11/3/2017, Ngân hàng N (Sau đây viết tắt là Ngân hàng) cho ông Bùi Như Sơn và bà Lâm Thị Hồng Nhung vay số tiền: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); mục đích vay: bù đắp chi phí buôn bán, sữa chữa máy vi tính; thời hạn cho vay 10 tháng, lãi suất 10.0%/năm, thời điểm xác định lãi suất điều chỉnh: định kỳ điều chỉnh tối thiểu 3 tháng/lần vào ngày 01 tháng 01 và 01 tháng 7 hàng năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận, ngày giải ngân: 11/3/2017, hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/01/2018.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Bùi Như S và bà Lâm Thị Hồng N đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp số 2234-902-636/13/HĐTC ngày 28/12/2013. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 110, tờ bản đồ số 18 (8), diện tích 88,50m^2, loại đất ở tại đô thị, thuộc phường Đ, TP. P, tỉnh Ninh Thuận, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 038950 do UBND TP. Phan Rang – Tháp Chàm cấp cho bà Lâm Thị Hồng N ngày 03/12/2018.

Trong quá trình vay vốn ông Bùi Như S và bà Lâm Thị Hồng N trả cho Ngân hàng được 9.000.000 đồng tiền gốc. Ông S và bà N thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nợ nhưng ông S và bà N cố tình lẫn tránh, không hợp tác với Ngân hàng. Từ ngày 11/01/2018 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền nợ vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 27/8/2019, ông Bùi Như S và bà Lâm Thị Hồng N còn nợ Ngân hàng số tiền: 190.207.917 đồng. Trong đó nợ gốc 141.000.000 đồng, lãi trong hạn 12.750.000 đồng; lãi quá hạn 36.475.917 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Bùi Như S và bà Lâm Thị Hồng N phải trả ngay cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ gốc và lãi (Bao gồm: nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn) tính đến ngày 27/8/2019 là: 190.207.917 đồng.

- Buộc ông Bùi Như S và bà Lâm Thị Hồng N phải tiếp tục trả lãi của khoản nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 28/8/2019 với mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận Hợp đồng tín dụng số 234-902-636/17/HĐTD ngày 11/3/2017cho đến khi thi hành án xong.

- Buộc ông Bùi Như S và bà Lâm Thị Hồng N phải tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 2234-902-636/13/HĐTC ngày 28/12/2013 và yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Bùi Như S và bà Lâm Thị Hồng Nh: Mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự, còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Bùi Như S và bà Lâm Thị Hồng N phải trả số tiền nợ đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 234-902-636/17/HĐTD ngày 11/3/2017 và yêu cầu ông Bùi Như S và bà Lâm Thị Hồng N duy trì hợp đồng thế chấp số 2234-902-636/13/HĐTC ngày 28/12/2013. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản". Ông Bùi Như S là cá nhân có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 43A007276 ngày 26/12/2013 do Phòng Tài chính kế hoạch Ủy ban nhân dân TP. Phan Rang – Tháp Chàm cấp và mục đích vay vốn là để bù đắp chi phí buôn bán, sửa chữa máy vi tính nên thỏa mãn điều kiện để thụ lý vụ án kinh doanh thương mại theo khoản 1 Điều 30 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn có địa chỉ kinh doanh và hộ khẩu thường trú tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Bùi Như S và bà Lâm Thị Hồng N đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ, ông S và bà N đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân

sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đối chiếu hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, sổ theo dõi tiền vay, bảng kê chi tiết tình hình nợ gốc và lãi, cùng với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thì giữa Ngân hàng N và ông Bùi Như S, bà Lâm Thị Hồng N có quan hệ tín dụng thông qua hợp đồng vay vốn số 234-902-636/17/HĐTD ngày 11/3/2017, số tiền vay 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); mục đích vay: bù đắp chi phí buôn bán, sữa chữa máy vi tính; thời hạn cho vay 10 tháng, lãi suất 10.0%/năm, thời điểm xác định lãi suất điều chỉnh: định kỳ điều chỉnh tối thiểu 3 tháng/lần vào ngày 01 tháng 01 và 01 tháng 7 hàng năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận, ngày giải ngân: 11/3/2017, hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/01/2018. Ông S có ký xác nhận nợ với Ngân hàng đã nhận khoản tiền vay 150.000.000 đồng vào ngày 11/3/2017 chứng tỏ việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Đến hạn trả nợ ông S và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm Điều Điều 4 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Từ ngày 11/01/2018, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền nợ vay sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn đã thỏa thuận trên số dư nợ gốc quá hạn là phù hợp với Điều 3 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng dụng 2010. Tính đến ngày 27/8/2019, ông Bùi Như S và bà Lâm Thị Hồng N còn nợ Ngân hàng số tiền: 190.207.917 đồng. Trong đó nợ gốc 141.000.000 đồng, lãi trong hạn 12.750.000 đồng; lãi quá hạn 36.475.917 đồng. Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án thì ông S và bà N vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 466 của Bộ Luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[2.2] Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Bùi Như S và bà Lâm Thị Hồng N đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp số 2234-902-636/13/HĐTC ngày 28/12/2013. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 110, tờ bản đồ số 18 (8), diện tích 88,50m^2, loại đất ở tại đô thị, thuộc phường Đ, TP. P, tỉnh Ninh Thuận, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 038950 do UBND TP. Phan Rang – Tháp Chàm cấp cho bà Lâm Thị Hồng N ngày 03/12/2018. Hội đồng xét xử thấy rằng nội dung của hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, đã được công chứng và đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên việc Ngân hàng yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp trên, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả được nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 317, 319 và 320 của Bộ Luật dân sự nên được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu

trên nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 317, 319, 320, 357, 466 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ khoản 16 Điều 4 và Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Buộc ông Bùi Như S và bà Lâm Thị Hồng N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N số tiền: 190.207.917 đồng (một trăm chín mươi triệu, hai trăm lẻ bảy ngàn, chín trăm mười bảy đồng). Trong đó nợ gốc 141.000.000 đồng, lãi trong hạn 12.750.000 đồng; lãi quá hạn 36.475.917 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Bùi Như S và bà Lâm Thị Hồng N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà ông Bùi Như S và bà Lâm Thị Hồng N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

4. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp 2234-902-636/13/HĐTC ngày 28/12/2013 giữa Ngân hàng N với ông Bùi Như S và bà Lâm Thị Hồng N để đảm bảo cho việc thi hành án. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 110, tờ bản đồ số 18 (8), diện tích 88,50m^2, loại đất ở tại đô thị, thuộc phường Đ, TP. P, tỉnh Ninh Thuận, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 038950 do UBND TP. Phan Rang – Tháp Chàm cấp cho bà Lâm Thị Hồng N ngày 03/12/2018.

Trường hợp ông Bùi Như S và bà Lâm Thị Hồng N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm sẽ được Ngân hàng N yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi để thu hồi nợ vay.

5. Về án phí: ông Bùi Như S và bà Lâm Thị Hồng N phải chịu: 9.511.000 đồng (Chín triệu, năm trăm mười một ngàn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng N số tiền: 4.480.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0018146 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hùng